TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2022/HS-ST Ngày 16/02/2022	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Nguyễn Thành Ngọc

+ Bà Lương Thị Bảo Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1957, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp HG, xã HG, thành phố K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Quản lý nhà nghỉ; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông M (đã chết) và bà H, sinh năm 1931 (đã chết). Vợ: N, sinh năm 1957. Bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến ngày 04/8/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- ***Người có quyền, nghĩa vụ liên quan***:

1. Anh H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 5, ấp AL, xã TL, huyện Q, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp P, xã G, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 5, xã NP, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Xóm 6, thôn 5, xã M, huyện K, tỉnh Ninh

Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh L1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố R, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

7. Anh TL, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu phố NT, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

8. Anh Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp BT, xã BT, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T là nhân viên nhà nghỉ Homestay Anh Vũ trên đường Hồ Thị Hương, phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai do anh H, sinh năm 1993, ngụ Tổ 5, ấp AL, xã TL, huyện Q, tỉnh Bình Phước và anh V, sinh năm 1986, ngụ Ấp P, xã G, thành phố K là đồng sở hữu. Do không ở thường xuyên tại thành phố Long Khánh nên anh H và anh V thuê bị cáo T quản lý toàn bộ nhà nghỉ với mức lương 9.000.000 đồng/tháng, nhiệm vụ của bị cáo T là cho khách thuê phòng, ghi vào sổ quản lý, thu tiền thuê phòng để ngày hôm sau giao lại cho anh V.

Vào ngày 25/3/2021 và 26/3/2021, T1, sinh năm 1983, ngụ tại Thôn 5, xã NP, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; D, sinh năm 1981, ngụ xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; L, sinh năm 1986, ngụ xã VL, huyện VB, tỉnh Lào Cai và Q, sinh năm 1986, ngụ thị trấn HH, huyện HH, tỉnh Phú Thọ đi đến nhà nghỉ Anh Vũ thuê phòng số 21 để ở. Sau đó, T1 có nói với bị cáo T khi nào có khách đến thuê phòng nghỉ và có nhu cầu mua dâm thì thông báo cho T1 biết để T1 đứng ra trao đổi việc mua bán dâm trực tiếp với khách, bị cáo T đồng ý.

Khoảng 22 giờ ngày 27/3/2021, L1, sinh năm 1980, ngụ Khu phố R, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai; TL, sinh năm 1991, ngụ Khu phố NT, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai và Đ, sinh năm 1986, ngụ Ấp BT, xã BT, thành phố K, tỉnh Đồng Nai đến nhà nghỉ Anh Vũ để thuê phòng nghỉ qua đêm. Sau đó, cả nhóm có nhu cầu mua dâm và nhờ bị cáo T gọi người bán dâm nhưng bị cáo T từ chối, khi TL đưa cho bị cáo T 200.000 đồng thì bị cáo T đồng ý gọi người bán dâm cho cả nhóm. Bị cáo T sắp xếp các phòng 14, 15, 16 cho L1, Đ, TL vào trước rồi gọi cho T1 thông báo có 03 khách đến mua dâm. Lúc này, L và D đang ở trong phòng nên biết được sự việc trên và cả 03 đồng ý sẽ bán dâm cho khách, T1 đi vào phòng 14 thỏa thuận với Đ bán dâm với số tiền 400.000 đồng, D đến phòng 15 thỏa thuận với L1 bán dâm với số tiền 400.000 đồng, L đến phòng 16 thỏa thuận với TL bán dâm với số tiền 400.000 đồng. Khi những người trên đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo T còn khai nhận vào ngày 26/3/2021, bị

cáo có thông báo với T1 có 01 khách ở nhà nghỉ Anh Vũ có nhu cầu mua dâm, T1 đến phòng 20 thỏa thuận bán dâm cho khách với số tiền 400.000 đồng.

Về chứng thu giữ: 03 bao cao su đã qua sử dụng, số tiền 1.200.000 đồng, 01 điện thoại di động Sam sung màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu đen.

Tại bản cáo trạng số: 95/CT-VKSLK ngày 09/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị T về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Sam sung màu đen là phương tiện phạm tội. Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, bị cáo T không sử dụng vào việc liên lạc với T1 nên đề nghị trả lại cho bị cáo T. Đối với hành vi bán dâm của T1, L và D, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tịch thu số tiền mua bán dâm, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho T1, L và D số tiền 1.200.000đồng (mỗi người 400.000đồng).

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 22 giờ, ngày 27/3/2021 tại nhà nghỉ Anh Vũ trên đường Hồ Thị Hương, phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, T (là quản lý nhà nghỉ) đã sắp xếp phòng số 14, 15, 16 cho T1, L và D thỏa thuận bán dâm cho L1, TL và Đ với số tiền 400.000 đồng/người thì bị Công an thành phố Long Khánh phát hiện, bắt quả tang. Quá trình điều tra, bị cáo T còn khai nhận vào ngày 26/3/2021, bị cáo còn sắp xếp phòng số 20 tại nhà nghỉ Anh Vũ để T1 bán dâm cho khách với giá 400.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật**.**

Đối với hành vi mua dâm của TL, L1, Đ và hành vi bán dâm của T1, L, D, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là đúng quy định pháp luật.

Đối với H và V, khi giao nhà nghỉ Anh Vũ cho bị cáo T quản lý, không biết việc bị cáo T chứa chấp việc mua bán dâm nên không có căn cứ để xem xét xử lý. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ nhà nghỉ Anh Vũ vì thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua bán dâm tại cơ sở kinh doanh do mình quản lý là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành của bản thân, đã tự thú về hành vi phạm tội ngày 26/3/2021; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy đối với 03 bao cao su đã qua sử dụng. Đối với 01 điện thoại Samsung màu đen, đây là phương tiện mà bị cáo T dùng để liên lạc với T1 nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với hành vi bán dâm của T, L, D, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tịch thu số tiền mua bán dâm, do đó, cần trả lại cho chị T1, chị L, chị D tổng số tiền 1.200.000đồng (mỗi

người 400.000đồng). 01 điện thoại Nokia màu đen là tài sản của bị cáo T, bị cáo không sử dụng điện thoại này để liên lạc, sắp xếp phòng cho T1 bán dâm nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội "Chứa mại dâm".

Xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến ngày 04/8/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su đã qua sử dụng. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Sam sung màu đen. Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia màu đen.

(Vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/9/2021)

Trả lại cho chị T1, chị L và chị D tổng số tiền 1.200.000đồng (400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng)/người).

(Số tiền trên đã được nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo phiếu thu ngày 22/9/2021).

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TPLK;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLK;
- Bị cáo; Nhà tạm giữ CATPLK;
- Những người tham gia tố tụng khác;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu HS, THS.

Đồng Thị Hương